# STORES

# Nội dung

- 1. STORES và Kiến trúc hệ thống
- 2. Các chức năng của hệ thống
- 3. Các loại đối tượng trao đổi khi sử dụng các dịch vụ
- 4. Các nhóm dịch vụ
- 5. Bài tập

### Ngữ cảnh

- Hiện trạng:
  - Dự án CNTT quy mô ngày càng lớn
    - → Bùng nổ về mã nguồn
  - Các IDE thiếu công cụ tìm kiếm mã nguồn hiệu quả
    - →Khó khăn trong tái sử dụng, bảo trì phần mềm
- Giải pháp:
  - Xây dựng công cụ tìm kiếm mã nguồn, tích hợp vào các IDE
  - Tìm kiếm trên:
    - Thuần túy quan hệ các thành phần Source code
    - Thông tin bổ sung

## Tiếp cận xây dựng

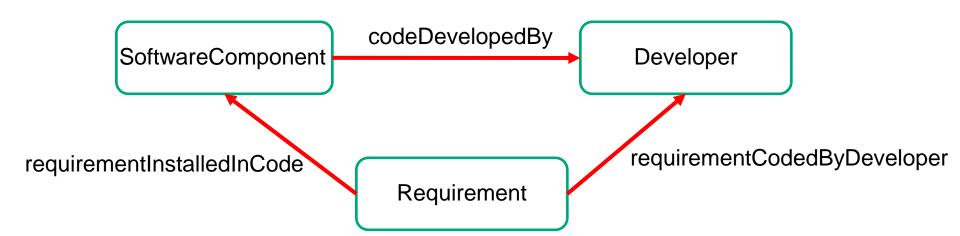
- Hướng tiếp cận:
  - Sử dụng ontology mô hình quan hệ các thành phần mã nguồn
  - Tìm kiếm trên mô hình ngữ nghĩa
- Ưu điểm:
  - Tìm kiểm ngữ nghĩa
    - Đáp ứng các tiêu chí phức tạp
    - Tích hợp thêm các luật suy diễn

### Ontology

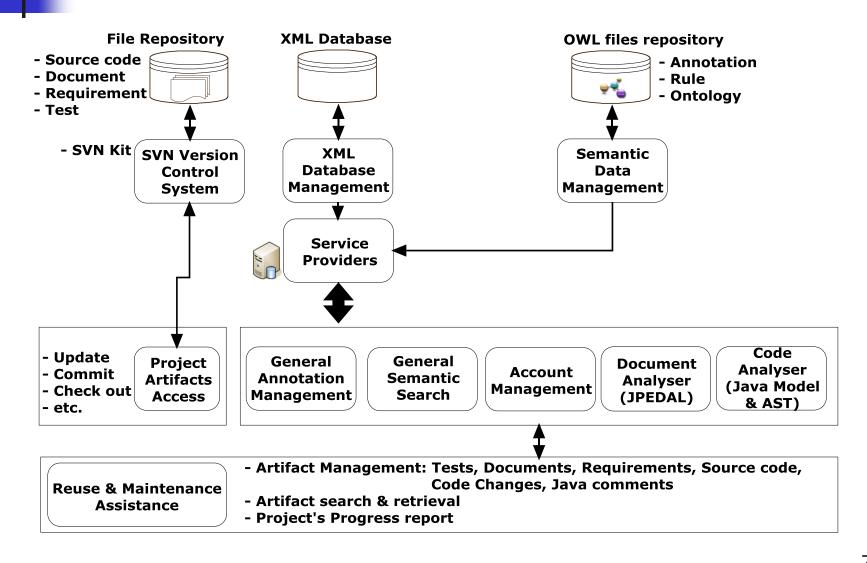
- Ngôn ngữ: OWL full
- Có tham khảo các nghiên cứu khác
  - Đảm bảo CL thiết kế & khả năng dễ chia sẻ
- 1 domain ontology:
  - Software Engineering
- 1 application ontology:
  - Software Maintenance & Software Reuse Ontology
- Các luật SWRL

## Ontology

■Ví dụ



## 1. Kiến trúc hệ thống



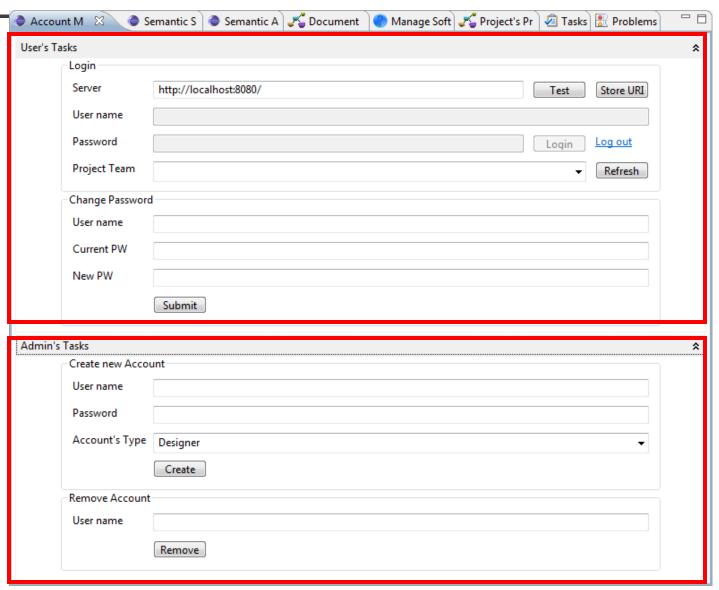


### 2. Các chức năng của hệ thống

#### 6 views:

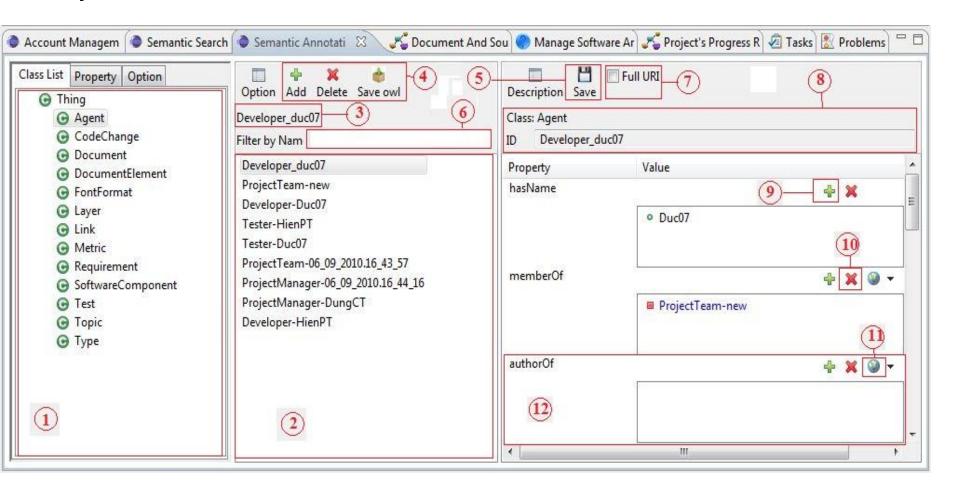
- Account Management
- Semantic Annotator
- Semantic Search
- Document & source code support
- Software Artifact Management
- Project's Progress

## 2.1. Account management





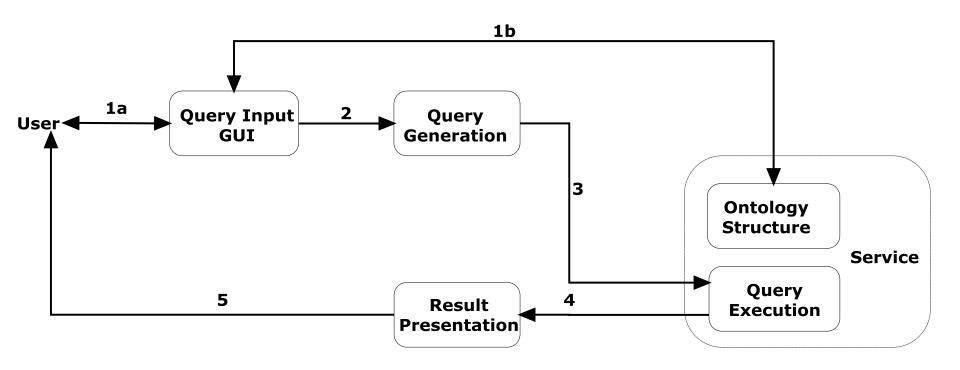
#### 2.2. Semantic Annotator



## -

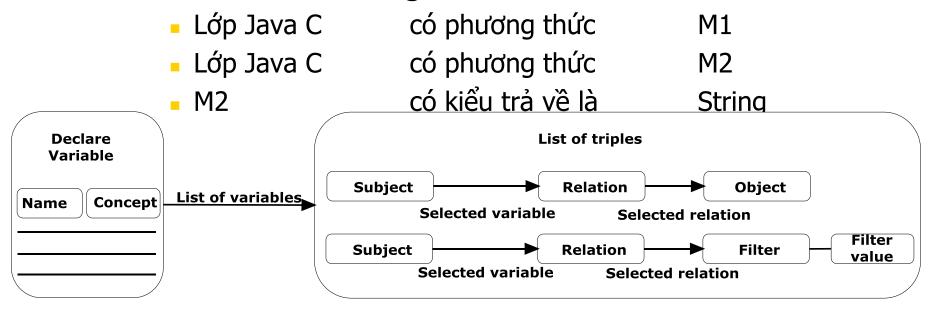
### 2.3. Semantic Search (1)

Mô hình xử lý



## 2.3. Semantic Search (2)

- Mô hình thiết kế
  - Ý tưởng: Phân rã các tiêu chí tìm kiếm thành các bô 3.
    - VD: Tìm 1 lớp java có 2 phương thức, 1 phương thức kiểu trả về là String





### 2.3. Semantic Search (3)

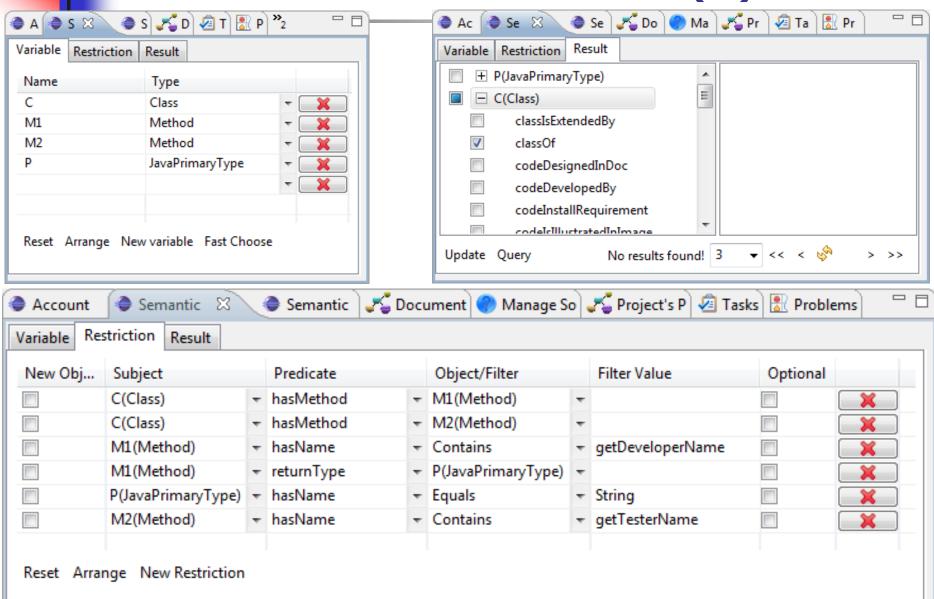
- Ví dụ 1: Tìm các lớp Java có 2 method
  - getDeveloperName()
    - Có kiểu trả về là String
  - getTesterName()

### 2.3. Semantic Search (4)

```
Các bộ 3:
(1) ?C
           rdf:type
                            Class.
(2) ?M1
           rdf:type
                            Method.
(3) ?M2 rdf:type
                            Method.
(4) ?P
           rdf:typeJavaPrimaryType.
(5) ?C
           hasMethod
                            ?M1.
(6) ?C
           hasMethod
                            ?M2.
(7) ?M1
                            ?x1 filter(fn:contains(?x1,
           hasName
                                    'getDeveloperName')).
(8) ?M1
           returnType
                            ?P.
(9) ?P
                            ?x2 filter(fn:equals(?x2, 'String')).
           hasName
(10) ?M2
           hasName
                            ?x3 filter(fn:contains(?x2,
```

'getTesterName')).

### 2.3. Semantic Search (5)



## 2.3. Semantic Search (4)

- Ví dụ 2: Tìm tất cả các lớp về Service nào đó, viết bởi Developer Peter
- Các bô 3:

```
(1) ?D rdf:type Developer.
```

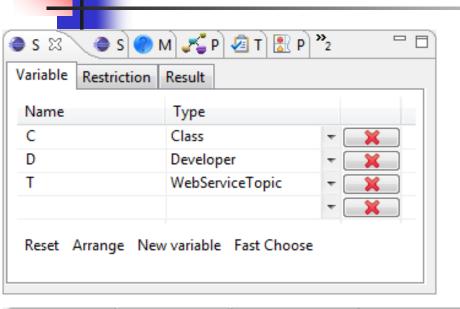
(2) ?C rdf:type Class.

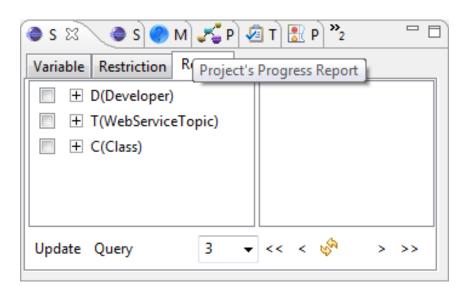
(3) ?T rdf:type WebServiceTopic

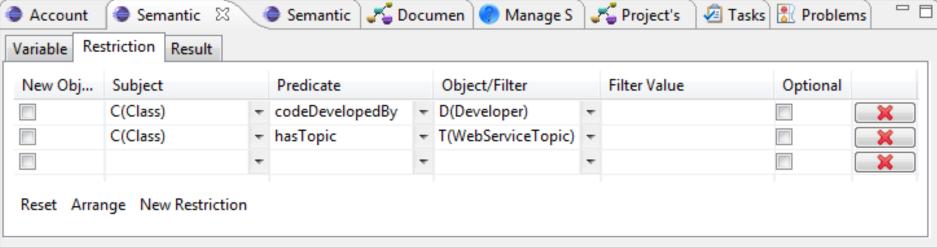
```
(5) ?C codeDevelopedBy ?D.
```

(6) ?C hasTopic ?T.

### 2.3. Semantic Search (5)



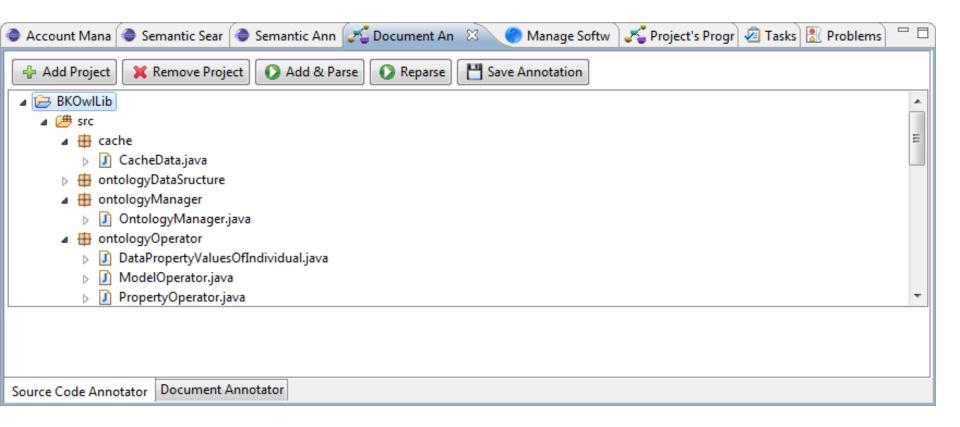






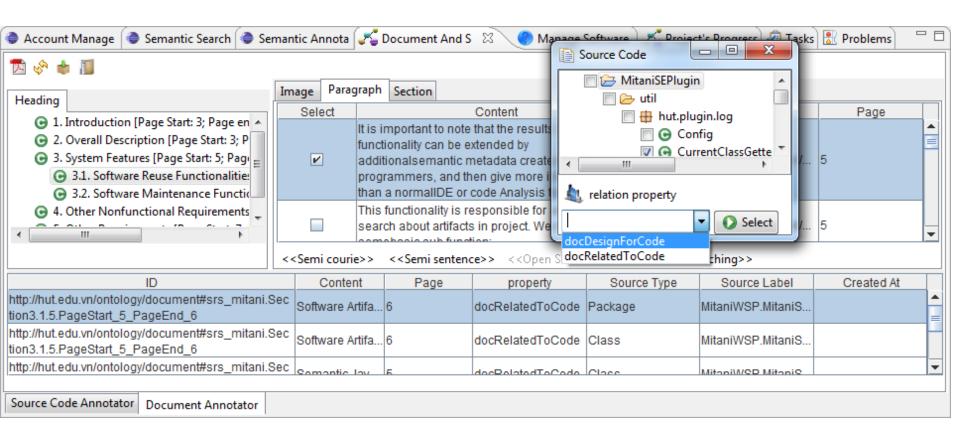
#### 2.4. Document & Source code supports

Bộ phân tích mã nguồn

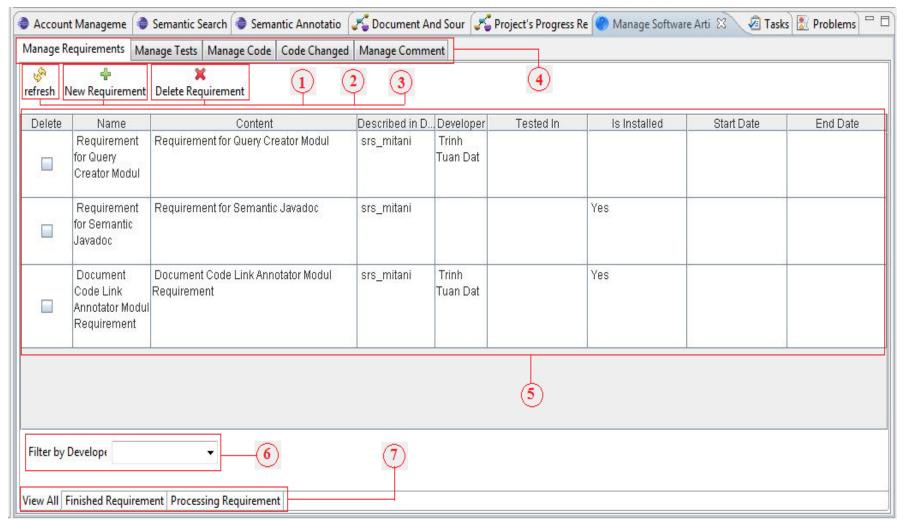


## 2.4. Document & Source code supports(2)

#### Bộ phân tích tài liệu

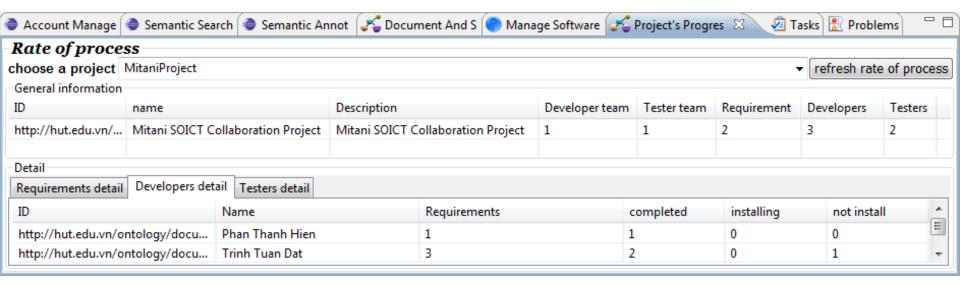


#### 2.5. Software artifact management





### 2.6. Project progress report



# 4

## 3. Các loại đối tượng trao đổi

- Đối tượng thường
  - Bắt buộc phải có mã nguồn java cho:
    - Lớp tương ứng với đối tượng truyền
    - Các lớp mà các phương thức/thuộc tính của đối tượng dùng đến (Tham số, giá trị trả về của phương thức, kiểu của thuộc tính)
      - Trừ các lớp Java nguyên thủy (String, Integer, ...)
- Đối tượng kiểu List
  - Với 1 số api có thể gặp khó khăn (ví dụ: JAX-WS)



### 4. Các nhóm dịch vụ

- 4.1. Tương tác trực tiếp với ontology
  - Load/reload/backup, ...
- 4.2. Tương tác với class trong ontology
- 4.3. Tương tác với property trong ontology
- 4.4. Tương tác với individual trong ontology
- 4.5. Nhóm dịch vụ khác

## 4.1. Tạo model từ ontology

- //Lưu model hiện tại ra 1 file owl
- public Message backupOWL(String owlFileName)
- //Xem môt ontology đã được load chưa
- public boolean isInitited(String owlFileName)
- //Load vào 1 ontology (nếu đã tồn tại thì load lại)
- public boolean reloadOntology(String owlFileName)
- //Ghi ontology ra một file
- public void writeToOWL(String owlFileName, String fileName)



#### 4.2. Tương tác với class trong ontology

- //Liệt kê các Property của class
- public ArrayList<PropertyData> getAllClassProperties(String owlFileName, String classname)
- //Liêt kê các subclass của môt class
- public ArrayList < ClassData > getSubClasses(String owlFileName, String classname, Boolean direct)
- //Liệt kê các superclass của một class
- public ArrayList < ClassData > getSuperClasses(String owlFileName, String classname)
- //Liệt kê các Class của một ontology
- public ArrayList < ClassData > listClasses(String owlFileName)
- //Lấy một Class trong ontology theo tên
- public ClassData getClassByName(String owlFileName, String className)



## 4.3. Tương tác với property trong ontology

- //Liệt kê các Property của một ontology
- public ArrayList<PropertyData> listProperties(String owlFileName)
- //Lấy một Property trong ontology theo tên
- public PropertyData getPropertyByName(String owlFileName, String propertyName)
- //Liệt kê các SuperProperty của một Property
- public ArrayList<PropertyData> getSuperProperties(String owlFileName, String propertyname)
- //Liệt kê các SubProperty của một Property
- public ArrayList<PropertyData> getSubProperties(String owlFileName, String propertyname)



## 4.3. Tương tác với property trong ontology (2)

- //Lấy kiểu dữ liệu của một DatatypeProperty
- public String getPropertySpecificDataType(String owlFileName, String propertyname)
- //Lấy Range của một ObjectProperty
- public ArrayList<String> getObjectPropertyRanges(String owlFileName,String propertyname)
- //Lấy Domain của một ObjectProperty
- public ArrayList<String> getObjectPropertyDomains(String owlFileName,String propertyname)
- //Lấy về Domain của một property
- public ResourceData getDomain(String owlFileName, String propertyname)



## 4.4. Tương tác với individual trong ontology

- //Tao individual cho môt class
- public boolean createInstance(String owlFileName, String instancename, String classname)
- //Kiểm tra 1 individual có tồn tại
- public Boolean checkExistIndividual(String owlFileName, String individualName)
- //Lấy 1 individual theo tên
- public IndividualData getIndividualByName(String owlFileName, String individualName)
- //Liệt kê các instance của 1 class trong ontology
- public ArrayList<String> listClassInstance(String owlFileName, String classname)



## 4.4. Tương tác với individual trong ontology (2)

- //Liệt kê các instance của một class và cả instance của các subclass
- public ArrayList<String> listAllRelatedInstance(String owlFileName, String classname)
- //Thêm một giá trị thuộc tính kiểu Datatype cho Individual
- public void addDatatypeProperty(String owlFileName,String propertyname, String value, String individualname)
- //Thêm một ObjectProperty cho Individual
- public void addObjectProperty(String owlFileName,String property, String individualValue, String individualname)
- //Lấy về giá trị 1 thuộc tính cụ thể của 1 individual cụ thể
- public ArrayList<String> getValueOfSpecificPropertyForIndividual(String owlFileName, String instanceID, String propertyName)



## 4.4. Tương tác với individual trong ontology (3)

- //Lấy về tất cả các giá trị các thuộc tính của 1 individual
- public ArrayList<BKIndividualProperty> getValuesOfIndividual(String owlFileName, String instanceID)
- //Lưu tất cả cục dữ liệu liên quan tới 1 individual
- public void saveValuesOfIndividual(String owlFileName, ArrayList<InstanceData> instanceDataList, Boolean isBig)
- //Xóa một individual trong ontology
- public void removeIndividual(String owlFileName, String individualName)
- //Lấy ra lớp của 1 individual
- public String getClassOfIndividual(String owlFileName, String individualName)



### 4.5. Nhóm dịch vụ khác

- //Thực hiện câu truy vấn Sparql
- public ArrayList
   SparqlResultList(String owlFileName, String querystring)

- //Quản lý người dùng
- **...**



 Bài tập 1: thiết kế các dịch vụ cần thiết cho giao diện truy vấn tìm kiếm

 Bài tập2: thiết kế các dịch vụ cần thiết cho giao diện annotator